

DANH SÁCH THÍ SINH LỘT VÀO VÒNG 2
CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL PRIMARY 2015 TẠI TP ĐÀ NẴNG
(TOEFL PRIMARY CHALLENGE 2015)

Ngày thi:

22/03/2015

Điểm lọt vào Vòng 2:

50

Chú ý:

- Bạn có thể sử dụng chức năng tìm kiếm:
nhấn phím tắt Ctrl + F sau đó gõ số báo danh
hoặc Họ và Tên của thí sinh vào hộp thoại để
tìm kiếm
- Thí sinh được sắp xếp theo thứ tự tăng dần
của SBD

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1	1900002	Hà Bảo	Khanh	3-Apr-04	Khối 5	Diên Hồng	Cẩm Lệ
2	1900003	Võ Hoàng Hương	Ly	23-Aug-05	Khối 4	Diên Hồng	Cẩm Lệ
3	1900006	Trần Ngọc Phương	Thảo	21-Sep-04	Khối 5	Diên Hồng	Cẩm Lệ
4	1900007	Cao Thanh	Liêm	11-Jun-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
5	1900008	Cao Thị Thảo	My	20-Nov-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
6	1900009	Đặng Hoàng	Minh	28-Dec-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
7	1900010	Đặng Lê Bảo	Ngọc	5-Apr-06	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
8	1900012	Đặng Yến	Nhi	18-Jan-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
9	1900013	Đinh Gia Bảo	Khuyên	25-Aug-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
10	1900015	Đỗ Thị Việt	Trình	2-May-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
11	1900016	Đỗ Trương Nhật	Quang	1-Mar-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
12	1900017	Đồng Kim Khôi	Nguyên	4-Apr-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
13	1900018	Đồng Trần Bảo	Ngọc	25-Jun-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
14	1900019	Dương Hoàng	Tú	17-Apr-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
15	1900020	Dương Thế Trọng	Huân	25-Oct-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
16	1900021	Dương Thu	Hương	5-May-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
17	1900023	Hồ Quỳnh Nguyên	Bảo	28-Aug-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
18	1900024	Hồ Thị Yến	Nhi	17-Jan-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
19	1900028	Lê Đỗ Nhật	Linh	14-Oct-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
20	1900029	Lê Đức Anh	Tuấn	17-Mar-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
21	1900030	Lê Nguyễn Hà	Vy	8-Jan-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
22	1900035	Mai Đăng	Phúc	17-Dec-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
23	1900036	Mai Nguyễn Trâm	Anh	21-Mar-06	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
24	1900038	Ngô Thị Khánh	Huyền	14-Aug-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
25	1900039	Ngô Thị Thanh	Hương	28-Sep-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
26	1900040	Ngô Văn	Tài	4-Oct-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
27	1900041	Ngô Yên	Thi	9-May-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
28	1900042	Nguyễn Đỗ Tiến	Thịnh	30-Jan-06	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
29	1900046	Nguyễn Hồng	Ánh	14-May-06	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
30	1900047	Nguyễn Khánh	Thủy	21-Oct-06	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
31	1900049	Nguyễn Lưu	Duệ	26-Jul-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
32	1900050	Nguyễn Mai	Thùy	24-Jan-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
33	1900051	Nguyễn Nguyên	Phương	28-Mar-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
34	1900052	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	23-Mar-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
35	1900053	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	28-Jan-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
36	1900054	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	27-Mar-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
37	1900056	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	22-Jun-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
38	1900057	Nguyễn Xuân	Thành	17-Aug-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
39	1900058	Ông Ngô Chí	Nhân	24-Jun-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
40	1900060	Phạm Văn	Vũ	11-Sep-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
41	1900062	Phan Nguyễn Hoài	Ngân	25-Aug-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
42	1900064	Phan Thành	Đạt	29-Mar-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
43	1900066	Phùng Nguyễn Thanh	Thảo	2-Sep-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
44	1900070	Trần Minh	Quang	27-Aug-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
45	1900072	Trần Thị Tường	Vy	25-Dec-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
46	1900074	Võ Thị Khánh	Quyên	26-Jan-05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
47	1900075	Vương Nguyễn Quốc	Huy	8-Feb-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ
48	1900076	Hoàng Hồng	Ân	22-Mar-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
49	1900079	Vũ Huỳnh Châu	Anh	8-Mar-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
50	1900083	Đinh Sỹ Quốc	Doanh	17-May-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
51	1900084	Huỳnh Ngọc Thùy	Dương	31-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
52	1900086	Lê Ngọc Trường	Giang	14-Jan-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
53	1900087	Dương Việt	Hà	6-Nov-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
54	1900088	Hồ Hồng	Hạnh	18-Dec-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
55	1900090	Võ Huy	Hoàng	29-May-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
56	1900091	Lê Huỳnh Kim	Huệ	13-Feb-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
57	1900092	Bùi Nguyễn Phước	Hùng	3-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
58	1900093	Võ Quốc	Hung	15-Dec-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
59	1900094	Hồ Thanh Bảo	Huy	21-Mar-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
60	1900096	Nguyễn Quang	Huy	20-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
61	1900098	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	4-Dec-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
62	1900099	Lê Nguyễn Thanh	Huyền	21-May-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
63	1900100	Lê Anh	Khôi	30-Apr-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
64	1900102	Đỗ Nguyễn Bảo	Lâm	19-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
65	1900103	Nguyễn Châu Thùy	Linh	8-Apr-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
66	1900104	Lê Thái Thị Thu	Lộc	17-Sep-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
67	1900105	Ngô Tấn	Lực	15-Apr-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
68	1900107	Ngô Bách Hoàng	Mai	28-Jan-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
69	1900108	Nguyễn Tuấn	Minh	6-Jun-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
70	1900109	Đỗ Thị Ly	Na	15-Sep-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
71	1900110	Nguyễn Lương Huy	Nam	8-Jan-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
72	1900114	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	23-Mar-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
73	1900115	Nguyễn Hạnh	Ngân	9-Jul-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
74	1900116	Phan Thanh	Nghĩa	8-Aug-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
75	1900118	Trương Bảo	Ngọc	21-Nov-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
76	1900119	Huỳnh Hạnh	Nguyên	16-Dec-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
77	1900120	Ngô Thị Thảo	Nguyên	18-Oct-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
78	1900121	Nguyễn Thảo	Nguyên	13-Jul-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
79	1900122	Phan Kiều Ánh	Nguyệt	6-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
80	1900123	Đỗ Thị Hoàng	Nhi	7-Aug-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
81	1900124	Nguyễn Trương Thảo	Nhi	7-Nov-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
82	1900126	Võ Thảo	Nhi	5-Jun-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
83	1900127	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	24-May-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
84	1900131	Đỗ Hoàng	Quân	1-Dec-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
85	1900136	Hồ Nguyễn Thanh	Tâm	24-Feb-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
86	1900137	Lương Sỹ Quyết	Thắng	19-Mar-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
87	1900138	Lữ Đình Trường	Thảo	11-Aug-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
88	1900140	Nguyễn Trần Phương	Thảo	18-Mar-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
89	1900141	Trần Hồ Thanh	Thảo	10-May-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
90	1900143	Lê Thị Xuân	Thoa	6-Jan-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
91	1900144	Đặng Ngô Uyên	Thư	28-Mar-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
92	1900145	Nguyễn Lê Anh	Thư	7-Apr-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
93	1900147	Ngô Anh	Thy	3-Dec-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
94	1900148	Lê Thị Như	Tiên	12-Feb-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
95	1900150	Lê Trung	Tiến	6-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
96	1900151	Trần Ngọc	Trâm	22-Aug-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
97	1900152	Trần Thị Ngọc	Trâm	21-Nov-06	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
98	1900154	Nguyễn Cao Minh	Trang	17-Jul-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
99	1900157	Nguyễn Hoàng Quốc	Trung	9-Sep-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
100	1900159	Trần Lê Anh	Tuấn	1-Aug-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
101	1900160	Bùi Đoàn Tổ	Uyên	19-May-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
102	1900161	Nguyễn Hoàng	Vũ	6-Oct-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
103	1900163	Nguyễn Ái	Vy	1-Aug-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
104	1900164	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	5-Jan-04	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
105	1900165	Đặng Văn	Vỹ	15-Jul-05	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ
106	1900166	Hà Mạnh	Hùng	7-Jun-04	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ
107	1900167	Đặng Phan Thanh	Ngân	23-Jul-05	Khối 4	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ
108	1900171	Lê Bảo	Trân	19-May-05	Khối 4	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ
109	1900172	Trần Thị Thu	Trang	21-Nov-04	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ
110	1900173	Lê Thành	Tùng	15-Jan-01	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ
111	1900174	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	1-Feb-05	Khối 4	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
112	1900176	Ngô Trường Minh	Hoàng	11-Oct-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
113	1900177	Nguyễn Thị Diệu	Hương	31-Dec-05	Khối 4	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
114	1900178	Đồng Văn	Huy	4-Oct-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
115	1900179	Đồng Khánh	My	3-Jan-05	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
116	1900180	Ngô Thị Ly	Na	19-Sep-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
117	1900181	Phan Thị Hồng	Ngọc	11-Aug-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
118	1900182	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	27-May-05	Khối 4	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
119	1900184	Phạm Thị Kim	Oanh	21-Dec-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
120	1900186	Lê Hoàng Diệu	Thảo	12-Mar-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
121	1900189	Lê Phạm Như	Ý	10-Oct-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
122	1900190	Lê Hoàng Diệu	Yến	18-Feb-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
123	1900191	Từ Tiểu	Yến	29-Sep-04	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ
124	1900192	Lê Trịnh Bảo	An	17-Aug-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
125	1900198	Mai Thị Ngọc	Ánh	5-Mar-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
126	1900201	Đặng Thế	Duy	11-Nov-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
127	1900202	Ngô Hồng	Duyên	22-Apr-06	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
128	1900203	Nguyễn Thị Minh	Hà	15-Feb-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
129	1900211	Nguyễn Thị Ngọc	Hồng	20-Apr-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
130	1900213	Lương Thị Lê	Huyền	16-Aug-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
131	1900215	Nguyễn Vũ	Khanh	9-Nov-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
132	1900216	Đặng Quốc	Khoa	13-Apr-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
133	1900217	Phan Minh	Khoa	6-Feb-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
134	1900218	Cao Thị Minh	Khuê	11-May-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
135	1900219	Phạm Thúy	Liễu	4-Apr-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
136	1900220	Ngô Phạm Diệu	Linh	5-Jun-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
137	1900221	Nguyễn Thúy	Mai	9-Feb-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
138	1900222	Ngô Công	Minh	27-Jan-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
139	1900226	Mai Thị Hồng	Ngọc	17-Jan-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
140	1900227	Lê Thị Thanh	Nhàn	11-Apr-06	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
141	1900228	Hoàng Yến	Nhi	24-Mar-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
142	1900231	Nguyễn Ngọc Bảo	Phúc	23-Oct-06	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
143	1900232	Phạm Bá	Phúc	24-Feb-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
144	1900234	Phan Thị Hiền	Phương	28-Apr-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
145	1900236	Nguyễn Thị Nhật	Quyên	10-Apr-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
146	1900237	Lương Nguyễn Xuân	Tài	19-Jun-06	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
147	1900239	Hồ Thị Phương	Thanh	10-Jul-06	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
148	1900240	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12-Feb-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
149	1900242	Nguyễn Anh	Thư	28-Aug-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
150	1900243	Phạm Anh	Thư	5-Jul-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
151	1900246	Dương Thế Trọng	Trí	2-Sep-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
152	1900247	Nguyễn Nhật	Trúc	5-Dec-06	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
153	1900249	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	16-Feb-05	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
154	1900250	Trương Hồng	Uyên	19-Jan-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
155	1900251	Đỗ Thị Như	Ý	27-Jan-04	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cẩm Lệ
156	1900252	Lê Thúy	An	31-May-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
157	1900253	Lê Thị Ngọc	Anh	31-May-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
158	1900254	Phan Phú	Duy	12-Jan-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
159	1900255	Trần Văn Việt	Duy	27-Jan-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
160	1900257	Đặng Lê Vy	Hằng	14-May-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
161	1900258	Trần Mỹ	Hạnh	28-Jan-05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
162	1900259	Nguyễn Trần Hồ Quán	Hào	7-Apr-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
163	1900261	Huỳnh Hữu	Hoàng	12-Jul-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
164	1900262	Trần Thanh	Hoàng	28-Jun-05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
165	1900265	Huỳnh Nguyên	Khánh	25-Mar-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
166	1900266	Đặng	Lâm	8-Dec-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
167	1900271	Võ Khánh	Nguyên	18-Aug-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
168	1900272	Lê Tiểu	Nguyễn	7-Apr-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
169	1900273	Kiều Ánh	Nguyệt	12-Feb-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
170	1900275	Lê Yến	Nhi	21-Oct-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
171	1900278	Nguyễn Lý Thanh	Thúy	23-Oct-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
172	1900281	Phạm Huyền	Trang	25-Apr-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
173	1900282	Nguyễn Châu Lan	Trình	20-Sep-04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
174	1900283	Nguyễn Quang	Trường	18-Mar-06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
175	1900286	Nguyễn Hữu Hùng	Vĩ	13-Feb-05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cẩm Lệ
176	1900290	Phan Gia	Bảo	20-Jan-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
177	1900291	Phan Lê Ngọc	Bảo	23-Feb-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
178	1900292	Đào Thị Ngọc	Bích	20-Apr-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
179	1900294	Nguyễn Thái Hoàng	Điệp	2-Jan-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
180	1900299	Nguyễn Thái Minh	Huy	14-Jan-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
181	1900300	Nguyễn Trúc	Huy	16-Jul-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
182	1900301	Hoàng Quốc	Khánh	2-Sep-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
183	1900302	Lê Quốc	Khánh	30-Oct-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
184	1900304	Vương Quốc	Khánh	14-Mar-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
185	1900307	Nguyễn Thúy	Linh	22-May-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
186	1900308	Võ Thi Hoàng	My	16-Dec-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
187	1900309	Huỳnh Diệu	Mai	8-Sep-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
188	1900310	Hoàng Ngọc	Minh	18-Aug-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
189	1900315	Trần Thị Thu	Ngân	13-Apr-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
190	1900316	Lê Bảo	Ngọc	15-Mar-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
191	1900317	Nguyễn Bích	Ngọc	1-Feb-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
192	1900319	Nguyễn Thảo	Nhi	19-Jan-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
193	1900320	Nguyễn Thị Lan	Nhi	18-Mar-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
194	1900325	Nguyễn Lê Ngọc	Thảo	14-Jul-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
195	1900328	Huỳnh Ngọc Hoài	Thương	15-Aug-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
196	1900329	Trần Việt	Toàn	16-Apr-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
197	1900333	Lê Hoàng	Trang	11-Jan-05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
198	1900334	Lê Thị Huyền	Trang	11-Apr-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
199	1900338	Mai Hoàng	Vy	10-Feb-06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
200	1900339	Phan Thị Huyền	Vy	24-Jul-04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ
201	1900340	Nguyễn Hoàng	Ân	27-Dec-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
202	1900341	Bùi Minh Triều	Anh	14-Oct-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
203	1900342	Trần Trâm	Anh	27-Oct-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
204	1900343	Ngô Xuân	Bách	14-Nov-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
205	1900344	Phạm Gia	Bảo	3-Jun-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
206	1900346	Trần Nguyên	Châu	22-Apr-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
207	1900347	Võ Duy Toàn	Châu	6-Jul-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
208	1900348	Nguyễn Phương	Diễm	22-Jul-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
209	1900351	Trần Ngọc Ngân	Hà	14-Feb-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
210	1900352	Lê Văn Bảo	Huân	26-Apr-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
211	1900353	Đỗ Huy	Hung	1-Nov-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
212	1900354	Phan Công	Huy	15-Feb-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
213	1900357	Lê Thy	Khuê	14-Feb-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
214	1900358	Hoàng Ngọc Thiên	Kim	31-Mar-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
215	1900359	Trần Quang	Mẫn	13-Aug-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
216	1900360	Bạch Thái	Minh	21-Sep-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
217	1900361	Bùi Huy	Minh	5-May-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
218	1900362	Lê Trịnh Hoàng	My	22-Feb-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
219	1900363	Nguyễn Trà	My	21-Jul-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
220	1900364	Vũ Thị Thúy	Ngân	9-Jul-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
221	1900365	Bùi Minh	Ngọc	22-Oct-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
222	1900367	Đào Ngọc Tùng	Nguyên	28-Mar-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
223	1900368	Ngô Trường	Nguyên	29-Jul-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
224	1900369	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	6-Sep-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
225	1900370	Tạ Khánh	Nguyên	14-Jul-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
226	1900371	Nguyễn Đoàn Thiên	Nhã	13-Jan-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
227	1900372	Võ Thị Yến	Nhi	2-Feb-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
228	1900373	Tô Nguyễn Khánh	Như	15-May-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
229	1900374	Phạm Quý	Phi	18-Sep-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
230	1900375	Lê Tiến	Quân	22-Jun-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
231	1900376	Nguyễn Trịnh Hoàng	Quân	14-Apr-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
232	1900377	Bùi Yên	Thảo	26-Sep-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
233	1900379	Nguyễn Ý	Thảo	2-Jul-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
234	1900380	Trần Thị Nguyên	Thảo	1-Jan-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
235	1900381	Lê Nguyễn Uyên	Thư	18-Sep-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
236	1900382	Nguyễn Hoàng	Thư	10-Jun-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu
237	1900384	Trần Trương Gia	Thuận	30-Oct-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
238	1900385	Huỳnh Thái	Toàn	3-Nov-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
239	1900386	Nguyễn Đăng	Trình	5-Feb-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
240	1900387	Nguyễn Lê Cẩm	Tú	17-Sep-05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
241	1900388	Cao Nguyễn Hồng	Tuyển	19-Sep-06	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu
242	1900390	Nguyễn Thảo	Yên	7-Jan-04	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu
243	1900391	Hồ Hoàng	Long	6-May-06	Khối 3	CLC SKY-LINE	Hải Châu
244	1900393	Đặng Thị Thanh	Ngân	9-Oct-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
245	1900394	Đặng Thị Thanh	Nhã	21-Aug-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
246	1900399	Đinh Nguyễn Thục	Trình	6-Aug-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
247	1900400	Hồ Lâm Thanh	Trúc	7-Aug-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
248	1900401	Hồ Võ Gia	Hân	2-Jun-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
249	1900402	Hoàng	Gia	2-Nov-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
250	1900404	Huỳnh Thanh Quốc	Triều	26-Apr-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
251	1900406	Lê Hoàng	Lâm	10-Jan-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
252	1900407	Ngô Nguyễn Hoàng	Trình	5-Nov-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
253	1900408	Ngô Tấn	Phước	22-Sep-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
254	1900411	Nguyễn Đình Anh	Tuấn	5-Sep-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
255	1900413	Nguyễn Huỳnh Nhật	Minh	27-Oct-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
256	1900415	Nguyễn Lê Kim	Lộc	10-Jan-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
257	1900416	Nguyễn Ngân Ngọc	Ngọc	13-Oct-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
258	1900417	Nguyễn Phạm Phương	Linh	10-Mar-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
259	1900419	Nguyễn Quang	Phước	30-Nov-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
260	1900421	Nguyễn Thảo	Nhi	5-Apr-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
261	1900423	Phạm Thị Xuân	Hồng	14-Apr-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
262	1900424	Phan Nhật Minh	Anh	18-Dec-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
263	1900425	Trần Công	Vinh	27-Nov-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
264	1900426	Trần Diệu	Phúc	2-Aug-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
265	1900427	Trần Gia	Doanh	27-May-05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu
266	1900428	Trần Thị Bảo	Ngọc	4-Jan-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
267	1900429	Trần Thị Yến	Nhi	30-Mar-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
268	1900430	Trương Ngọc Mai	Thi	28-Jul-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu
269	1900431	Võ Thị Bích	Vi	15-Mar-04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu
270	1900433	Lê Trần Thảo	Vy	21-Jun-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
271	1900435	Ngô Gia Nguyên	Bảo	4-Nov-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
272	1900436	Nguyễn Đức	Bình	8-Sep-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
273	1900437	Nguyễn Minh	Huy	20-Jan-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
274	1900438	Nguyễn Ngọc Khánh	Hân	2-Sep-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
275	1900439	Nguyễn Thị Liên	Hương	25-Feb-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
276	1900440	Phạm Hoàng	Chương	26-Apr-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
277	1900441	Phan Trần Trà	My	5-Mar-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
278	1900442	Trần Bảo	Ngọc	18-Dec-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
279	1900445	Bùi Thị Kim	Ngân	26-Feb-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
280	1900447	Châu Nguyễn Minh	Tâm	5-Dec-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
281	1900451	Đào Hữu Duy	Anh	15-Mar-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
282	1900453	Đinh Văn Thảo	Nhi	25-Mar-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
283	1900454	Đỗ Nguyên	Giác	11-Apr-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
284	1900455	Đỗ Nhật Trân	Trân	13-Jul-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
285	1900463	Hoàng Nguyễn Bảo	Khanh	5-Sep-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
286	1900466	Hứa Trần Bảo	Ngọc	1-Jan-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
287	1900469	Huỳnh Ngọc Thùy	Dương	8-Nov-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
288	1900471	Huỳnh Phan	Kiên	3-Dec-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
289	1900473	Huỳnh Tuấn	Phong	27-Feb-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
290	1900474	Lâm Nguyễn Hồng	Ngọc	20-Jun-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
291	1900478	Lê Châu	Anh	24-Sep-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
292	1900479	Lê Hoàng	Hiếu	23-Oct-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
293	1900480	Lê Hoàng Khánh	Vân	2-Sep-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
294	1900481	Lê Linh	Đan	4-Apr-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
295	1900483	Lê Nguyễn Khánh	Ngọc	9-Jan-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
296	1900484	Lê Nguyễn Việt	Hưng	20-Aug-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
297	1900488	Lê Văn	Huy	26-Jun-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
298	1900489	Lê Vũ Quỳnh	Thư	23-May-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
299	1900490	Lưu Duy	Uyên	21-May-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
300	1900491	Mai Nguyễn Kiều	Nhi	16-Mar-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
301	1900492	Mai Xuân	Bách	17-Apr-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
302	1900493	Ngô Gia	Hỷ	16-Apr-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
303	1900494	Ngô Nguyệt Hoàng	duyên	27-Mar-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
304	1900504	Nguyễn Hữu	Tuấn	3-Sep-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
305	1900507	Nguyễn Minh	Anh	1-Aug-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
306	1900508	Nguyễn Minh Gia	Hân	20-Jul-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
307	1900511	Nguyễn Minh	Tài	19-Feb-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
308	1900512	Nguyễn Mỹ	Huyền	15-Aug-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
309	1900514	Nguyễn Nhật	Minh	9-Apr-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
310	1900516	Nguyễn Phúc Bảo	Quyên	6-Jan-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
311	1900518	Nguyễn Thái	Bảo	3-Oct-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
312	1900521	Nguyễn Thanh	Phú	13-Jun-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
313	1900523	Nguyễn Thị Bảo	Trân	4-Oct-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
314	1900524	Nguyễn Thị Kim	Xuân	16-Jan-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
315	1900526	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14-Aug-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
316	1900529	Nguyễn Tiến	Hùng	13-Sep-06	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
317	1900534	Nguyễn Trần Văn	Chiến	25-Jan-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
318	1900539	Nguyễn Võ Thảo	Nguyên	1-Jun-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
319	1900543	Phạm Hữu	Đức	1-Mar-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
320	1900545	Phạm Phú Anh	Quân	15-Feb-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
321	1900548	Phan Bảo	Huyền	30-Oct-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
322	1900549	Phan Hà	My	1-Mar-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
323	1900551	Phan Ngọc	Quân	1-Nov-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
324	1900554	Phan Như	Quỳnh	7-Jan-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
325	1900555	Phan Trần Hạ	Giang	20-Jul-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
326	1900557	Phùng Nguyễn Thảo	Nguyên	20-Apr-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
327	1900560	Trần Anh	Tuấn	13-Jun-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
328	1900563	Trần Đình	Hiếu	2-Jan-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
329	1900565	Trần Duy	Mẫn	4-Feb-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
330	1900566	Trần Hữu	Thuận	13-Oct-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
331	1900572	Trần Thị Hồng	Hà	28-Oct-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
332	1900574	Trần Thị Quỳnh	Trinh	9-May-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
333	1900575	Trần Thị Thanh	An	24-Dec-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
334	1900576	Trần Trọng	Hoàng	14-Jun-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
335	1900578	Trần Vũ Xuân	Giao	6-Oct-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
336	1900579	Trịnh Xuân	Bình	16-May-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
337	1900581	Văn Thị Thúy	Nga	27-Jun-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
338	1900583	Võ Lê Minh	Trang	5-Dec-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
339	1900584	Võ Minh Ý	Nhi	20-Feb-04	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu
340	1900585	Võ Thảo	Ly	6-May-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
341	1900586	Võ Trần Hoàng	Thư	6-Jul-06	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu
342	1900587	Vương Thục	Nhi	6-Mar-05	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu
343	1900588	Lê Đặng Ngọc	Linh	22-Sep-05	Khối 4	Phan Thanh	Hải Châu
344	1900590	Nguyễn Vũ Vi	An	29-Oct-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
345	1900592	Võ Hoàng Bảo	An	7-Aug-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
346	1900593	Đoàn Vân	Anh	31-Mar-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
347	1900594	Hoàng Ngọc Tùng	Anh	23-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
348	1900596	Lê Nguyễn Trường	An	15-Apr-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
349	1900598	Lê Trần Phúc	Anh	19-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
350	1900601	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	5-Jul-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
351	1900602	Nguyễn Thanh	An	16-Apr-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
352	1900603	Nguyễn Thị Vân	Anh	20-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
353	1900604	Thiều Nhật	Anh	2-Jul-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
354	1900605	Trần Bảo	Anh	1-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
355	1900606	Trần Đức	Anh	7-Jun-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
356	1900610	Võ Vân	Anh	9-May-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
357	1900612	Phạm Hoàng	Bách	28-Apr-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
358	1900613	Phạm Xuân	Bách	17-Jul-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
359	1900614	Lê Trần Bích	Bảo	4-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
360	1900617	Nguyễn Quốc	Bảo	13-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
361	1900619	Trần Lê Quốc	Bảo	5-Sep-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
362	1900620	Ngô Phạm Mỹ	Bình	8-Dec-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
363	1900621	Thái Bảo	Chánh	5-Nov-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
364	1900622	Bùi Lê Bảo	Châu	25-Apr-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
365	1900623	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	2-Jan-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
366	1900625	Nguyễn Việt Bảo	Châu	27-Mar-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
367	1900626	Trần Ngọc Bảo	Châu	26-Apr-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
368	1900627	Trần Nguyễn Minh	Châu	24-Feb-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
369	1900628	Bùi Phan Quỳnh	Chi	9-Feb-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
370	1900629	Dương Quỳnh	Chi	12-Sep-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
371	1900630	Nguyễn Trần Linh	Chi	19-Jan-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
372	1900631	Phan Thị Quỳnh	Chi	15-Mar-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
373	1900632	Trịnh Huệ	Chi	5-Aug-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
374	1900633	Nguyễn Đình	Chính	11-Jul-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
375	1900634	Võ Nguyễn Hoàng Duy	Chung	16-May-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
376	1900635	Nguyễn Chi Linh	Đan	16-Mar-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
377	1900638	Nguyễn Nguyên	Đạt	21-Jun-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
378	1900639	Nguyễn Thành	Đạt	17-Sep-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
379	1900640	Nguyễn Tiến	Đạt	23-Sep-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
380	1900649	Thi Lý Nhật	Duy	16-Feb-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
381	1900650	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	5-Nov-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
382	1900651	Phạm Thị Mỹ	Duyên	25-Apr-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
383	1900653	Đinh Lê Hoàng	Giang	1-Sep-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
384	1900655	Phạm Vũ Châu	Giang	21-Jun-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
385	1900657	Lương Thị Trúc	Hà	4-Apr-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
386	1900658	Phí Thị Việt	Hà	2-Jul-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
387	1900659	Nguyễn Hữu Trúc	Hạ	4-Jun-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
388	1900660	Trần Lê Nhật	Hạ	2-Aug-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
389	1900662	Lâm Hoàng Xuân	Hân	8-Jan-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
390	1900663	Lê Thị Ngọc	Hân	15-Apr-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
391	1900664	Nguyễn Mai Bảo	Hân	19-May-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
392	1900665	Phan Mai	Hân	5-Sep-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
393	1900667	Nguyễn Phương Nhật	Hằng	10-Oct-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
394	1900668	Phan Nguyễn Kim	Hằng	26-Jan-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
395	1900669	Ngô Thành Nhân	Hậu	2-May-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
396	1900671	Nguyễn Đức Phúc	Hung	1-Oct-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
397	1900672	Huỳnh Như	Huong	12-Apr-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
398	1900674	Đào Hữu	Huy	5-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
399	1900675	Hà Nguyên	Huy	21-Jun-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
400	1900677	Lê Huỳnh Hoàng	Huy	14-Sep-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
401	1900678	Lê Trung	Huy	19-Apr-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
402	1900680	Mai Triệu	Huy	20-Nov-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
403	1900681	Phạm Ngô Gia	Huy	1-Apr-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
404	1900682	Tôn Thất Quang	Huy	27-Aug-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
405	1900683	Võ Hoàng	Huy	11-Dec-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
406	1900685	Hồ Nguyên	Kha	3-Mar-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
407	1900689	Nguyễn Gia	Khang	1-Nov-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
408	1900691	Nguyễn Trọng	Khang	15-Apr-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
409	1900693	WangAn	Khang	10-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
410	1900694	Hoàng Vi	Khanh	3-Dec-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
411	1900696	Trần Huyền	Khanh	19-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
412	1900697	Nguyễn Bảo	Khánh	22-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
413	1900699	Nguyễn Lưu Ngọc	Khánh	26-Jul-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
414	1900700	Nguyễn Võ Gia	Khánh	1-Sep-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
415	1900701	Võ Lương Gia	Khánh	3-Sep-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
416	1900703	Đặng Nguyên	Khoa	28-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
417	1900704	Nguyễn Đăng	Khoa	13-Jul-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
418	1900709	Lê Nguyễn Minh	Khuê	5-Apr-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
419	1900711	Huỳnh Minh	Kiệt	29-Dec-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
420	1900713	Võ Nhật	Lam	12-Sep-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
421	1900714	Nguyễn Ngọc	Lân	21-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
422	1900715	Châu Nguyễn Khánh	Linh	18-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
423	1900716	Hồ Ngọc	Linh	31-Oct-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
424	1900717	Lê Bá Ngọc	Linh	6-Jan-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
425	1900718	Lê Mỹ Khánh	Linh	3-Feb-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
426	1900720	Nguyễn Thị Khánh	Linh	27-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
427	1900723	Phạm Thị Mỹ	Linh	1-Feb-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
428	1900724	Phan Dương Thùy	Linh	2-Aug-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
429	1900725	Phan Ngọc Thùy	Linh	26-Apr-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
430	1900726	Phan Ngọc Trúc	Linh	26-Apr-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
431	1900727	Trần Thị Khánh	Linh	10-Mar-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
432	1900728	Võ Cao Khánh	Linh	15-Nov-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
433	1900729	Lê Bình Phương	Lộc	6-Feb-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
434	1900730	Nguyễn Quốc	Lộc	2-Jan-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
435	1900731	Nguyễn Văn	Lợi	28-Nov-03	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
436	1900733	Hoàng Ngọc Quang	Minh	2-Aug-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
437	1900734	Ngô Phương	Minh	10-Dec-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
438	1900736	Võ THị Ngọc	Minh	23-Feb-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
439	1900739	Võ Thị Như	Nam	7-Aug-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
440	1900740	Hoàng Quỳnh	Nga	17-Aug-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
441	1900741	Nguyễn Bảo	Ngân	16-Jun-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
442	1900742	Nguyễn Phan Hoàng	Ngân	27-Jul-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
443	1900743	Nguyễn Thanh	Ngân	22-Jul-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
444	1900744	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23-Sep-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
445	1900745	Phan Trần Bảo	Ngân	26-Feb-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
446	1900746	Nguyễn Thị Kim	Ngân	26-Apr-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
447	1900747	Huỳnh Phan Thảo	Nghi	19-Feb-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
448	1900750	Đặng Trần Minh	Ngọc	4-Jan-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
449	1900751	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc	21-Mar-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
450	1900754	Nguyễn Như Bảo	Ngọc	18-Jan-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
451	1900755	Phan Thị Thanh	Ngọc	17-May-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
452	1900756	Trần Mỹ	Ngọc	8-Dec-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
453	1900757	Trần Thị Bảo	Ngọc	25-Jan-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
454	1900758	Đặng Nguyễn Bình	Nguyên	17-Oct-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
455	1900759	Đào Xuân	Nguyên	8-May-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
456	1900760	Đỗ Nguyễn Thảo	Nguyên	2-Sep-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
457	1900762	Lương Tâm	Nguyên	15-Aug-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
458	1900763	Mai Xuân	Nguyên	1-Jun-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
459	1900766	Trịnh Võ Khôi	Nguyên	3-Mar-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
460	1900768	Hồ Thị Phương	Nhi	25-May-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
461	1900769	Lê Vũ Uyên	Nhi	13-Feb-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
462	1900771	Lương Xuân	Nhi	21-Nov-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
463	1900772	Ngô Yên	Nhi	23-Nov-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
464	1900774	Nguyễn Thảo	Nhi	20-Feb-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
465	1900775	Trần Cao Hạnh	Nhi	27-Jan-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
466	1900776	Đoàn Vũ Hạ	Như	3-Dec-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
467	1900777	Nguyễn Quỳnh	Như	13-Feb-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
468	1900778	Nguyễn Hồng	Nhung	11-May-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
469	1900780	Phạm Tiến	Phát	23-Sep-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
470	1900781	Trần Quang Tiến	Phát	10-Oct-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
471	1900782	Cao Thanh	Phong	11-May-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
472	1900783	Lê Thanh	Phong	17-Jun-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
473	1900785	Nguyễn Ngọc Minh	Phúc	1-Aug-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
474	1900786	Phạm Viết Gia	Phúc	11-Apr-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
475	1900787	Phan Lê Hồng	Phúc	22-Jan-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
476	1900788	Tổng Viết Nguyên	Phúc	11-Feb-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
477	1900789	Võ Nam	Phúc	6-Oct-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
478	1900790	Lê Trung	Phước	28-Jun-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
479	1900792	Hồ Mai	Phương	9-Sep-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
480	1900796	Phạm Phan Minh	Phương	24-Jul-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
481	1900797	Phạm Võ Mai	Phương	25-Jan-04	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu
482	1900798	Trịnh Võ Nam	Phương	3-Mar-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
483	1900799	Cái Trọng Minh	Quân	7-Sep-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu
484	1900804	Nguyễn Hà Anh	Quân	5-Oct-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
485	1900805	Nguyễn Hoàng	Quân	13-Nov-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
486	1900809	Nguyễn Văn	Quốc	23-Oct-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
487	1900810	Lê Bảo	Quý	5-Jan-06	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu
488	1900811	Nguyễn Bảo	Quý	27-Jul-05	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
489	1900812	Nguyễn Phước	Quý	2-Apr-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
490	1900813	Nguyễn Thục	Quyên	30-Nov-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
491	1900814	Thái Bảo	Quyên	18-Nov-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
492	1900815	Đỗ Vũ Trúc	Quỳnh	14-Aug-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
493	1900817	Thân Ngọc Khánh	Quỳnh	5-Jul-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
494	1900818	Trần Như	Quỳnh	7-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
495	1900819	Dương Hải	Sa	8-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
496	1900820	Trần Ngọc Kim	Sa	25-Oct-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
497	1900822	Nguyễn Thành	Tài	24-Aug-04	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
498	1900824	Nguyễn Trọng	Tài	5-Mar-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
499	1900828	Nguyễn Thiện	Thắng	14-Jul-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
500	1900829	Nguyễn Văn	Thành	24-Feb-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
501	1900833	Phan Vũ Bảo	Thiên	28-Oct-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
502	1900834	Bùi Tấn	Thiện	8-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
503	1900836	Nguyễn Khả Phước	Thiện	5-Sep-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
504	1900838	Hoàng Ngọc	Thịnh	22-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
505	1900839	Nguyễn Thanh Huy	Thịnh	27-Jun-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
506	1900841	Lương Thanh Anh	Thư	1-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
507	1900842	Nguyễn Thị Anh	Thư	17-Feb-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
508	1900844	Phạm Ngọc Đan	Thục	24-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
509	1900845	Thái Thị Thu	Thủy	18-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
510	1900847	Trần Anh	Thy	28-Jul-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
511	1900848	Trần Nguyễn Nhật	Thy	30-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
512	1900849	Bùi Hồ Cát	Tiên	13-Jun-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
513	1900850	Cao Hoàng Thủy	Tiên	14-Oct-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
514	1900851	Đỗ Phan Quỳnh	Tiên	27-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
515	1900852	Ngô Trần Việt	Tiên	1-Apr-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
516	1900856	Nguyễn Ngọc	Tiến	13-Jan-06	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
517	1900864	Nguyễn Phan Minh	Trân	30-Apr-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
518	1900866	Trần Bảo	Trân	25-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
519	1900867	Đỗ Phan Quỳnh	Trang	18-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
520	1900868	Dương Thị Thùy	Trang	4-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
521	1900869	Trần Diệu	Trang	25-Dec-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
522	1900870	Hồ Quang Minh	Trí	11-Aug-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
523	1900871	Mai Phước	Trí	10-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
524	1900873	Nguyễn Trần Minh	Triết	5-Jun-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
525	1900875	Trần Thị Ngọc	Trinh	8-Aug-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
526	1900877	Viên Thị Thanh	Trúc	2-Dec-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
527	1900878	Lê Hữu	Trung	6-Feb-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
528	1900879	Nguyễn Văn	Trung	30-Sep-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
529	1900883	Nguyễn Thanh	Tùng	25-Jan-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
530	1900884	Nguyễn Hồ Cát	Tường	11-Jan-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
531	1900886	Đoàn Phương	Uyên	30-Dec-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
532	1900889	Nguyễn Ngô Thảo	Uyên	19-Mar-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
533	1900891	Phạm Thị Xuân	Uyên	14-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
534	1900892	Trần Tâm	Uyên	27-May-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
535	1900895	Nguyễn Thanh	Vinh	18-Aug-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
536	1900896	Trần Công	Vinh	24-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
537	1900898	Trương Hoàng	Vũ	14-Oct-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
538	1900899	Đặng Ngọc Thảo	Vy	10-Nov-04	Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu
539	1900902	Lê Thị Lan	Xuân	11-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
540	1900904	Tăng Lê Nhã	Y	18-Feb-05	Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu
541	1900906	Hồ Hải	Yến	28-Jan-06	Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu
542	1900908	Bùi Anh	Khoa	12-Sep-04	Khối 5	Trần Văn Ơn	Hải Châu
543	1900910	Bùi Kim	Thuyền	2-Jan-06	Khối 3	Trần Văn Ơn	Hải Châu
544	1900913	Đặng Nguyễn Thiên	An	7-Dec-06	Khối 3	Trần Văn Ơn	Hải Châu
545	1900914	Đặng Sinh	My	9-May-05	Khối 4	Trần Văn Ơn	Hải Châu
546	1900916	Đặng Xuân	Nhật	7-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ơn	Hải Châu
547	1900917	Đào Ngọc Nam	Anh	18-Jul-04	Khối 5	Trần Văn Ơn	Hải Châu
548	1900919	Đinh Lê Phương	Uyên	4-Apr-05	Khối 4	Trần Văn Ơn	Hải Châu
549	1900920	Đinh Trần Hà	An	11-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ơn	Hải Châu
550	1900924	Đỗ phú minh	đức	22-Sep-05	Khối 4	Trần Văn Ơn	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
551	1900925	Dương Hoàng Khánh	Ngân	31-Oct-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
552	1900927	Dương Quang	Khánh	16-Jul-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
553	1900928	Dương Tấn	Huy	27-Feb-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
554	1900929	Dương Tấn Quốc	Thắng	23-Jul-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
555	1900930	Dương Trần Hiền	Vy	24-Sep-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
556	1900932	Hà Phạm Ngọc	Huyền	12-Oct-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
557	1900933	Hồ Bùi Văn	Trung	25-Feb-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
558	1900935	Hồ Nhật	Khánh	11-Apr-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
559	1900937	Hoàng Hữu Anh	Hào	8-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
560	1900939	Hoàng Ngọc Đăng	Khoa	2-Apr-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
561	1900940	Hoàng Thái	Kính	11-Dec-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
562	1900941	Hoàng Thị Khánh	Linh	24-Feb-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
563	1900943	Huỳnh Lê Minh	Thư	3-Jan-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
564	1900946	Huỳnh Thanh	Thúy	28-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
565	1900948	Kiều Phước Thiện	An	18-Oct-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
566	1900949	Lê An	Thy	19-Sep-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
567	1900951	Lê Đức	Khang	12-Dec-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
568	1900954	Lê Hoàng	Nam	12-Jul-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
569	1900955	Lê Hữu	Truyền	8-May-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
570	1900956	Lê Huy	Đức	21-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
571	1900958	Lê Ngọc Thanh	Tâm	21-Mar-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
572	1900959	Lê Nguyễn Bảo	Hân	24-Aug-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
573	1900960	Lê Nguyễn Thanh	Trà	8-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
574	1900961	Lê Nguyễn Trường	Vỹ	20-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
575	1900963	Lê Quang	Thành	10-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
576	1900969	Lê Trọng	Đạt	9-Apr-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
577	1900970	Lê Trương Thục	Nhi	17-May-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
578	1900971	Lê Võ Hoàng	Duy	18-Aug-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
579	1900973	Lương ngọc minh	thư	11-Nov-04	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
580	1900975	Lương Thạch	Hân	26-Jul-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
581	1900976	Lưu An	Nguyễn	12-May-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
582	1900979	Ngô Minh	Tâm	16-Jun-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
583	1900981	Ngô Thị Thanh	Thảo	12-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
584	1900982	Nguyễn Công Bảo	Khôi	11-Apr-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
585	1900985	Nguyễn Đức	Anh	7-Jul-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
586	1900989	Nguyễn Gia	Bảo	12-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
587	1900990	Nguyễn Hà Mỹ	Uyên	1-Apr-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
588	1900993	Nguyễn Hoàng Cát	Vy	5-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
589	1900994	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhã	4-Oct-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
590	1900996	Nguyễn Hoàng Ý	Nhi	27-Sep-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
591	1900998	Nguyễn Hữu	Nhân	18-Feb-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
592	1900999	Nguyễn Huyền	Chi	8-Feb-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
593	1901000	Nguyễn Huỳnh Khánh	Hoàng	2-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
594	1901001	Nguyễn Huỳnh Thủy	Tiên	3-Oct-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
595	1901003	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	8-Oct-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
596	1901004	Nguyễn Minh	Phương	31-Aug-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
597	1901005	Nguyễn Minh	Quân	31-Oct-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
598	1901008	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	18-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
599	1901010	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	8-Mar-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
600	1901011	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	26-Oct-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
601	1901012	Nguyễn Ngọc	Lâm	2-Nov-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
602	1901016	Nguyễn Phan Phương	Linh	13-May-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
603	1901017	Nguyễn Phan Tuấn	Kiệt	3-Jul-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
604	1901018	Nguyễn Phương	Uyên	24-Jan-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
605	1901019	Nguyễn Quang	Thông	6-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
606	1901020	Nguyễn Quốc	Quân	20-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
607	1901022	Nguyễn Quốc	Trí	22-Jul-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
608	1901023	Nguyễn Quốc Trường	Hiền	16-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
609	1901025	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	11-Jan-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
610	1901027	Nguyễn Thanh	Việt	12-Apr-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
611	1901028	Nguyễn Thảo	Anh	11-May-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
612	1901030	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	8-Sep-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
613	1901031	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	9-Nov-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
614	1901033	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	10-Jan-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
615	1901034	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	30-Oct-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
616	1901038	Nguyễn Thị Thúy	Vy	5-Jul-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
617	1901040	Nguyễn Thụy Thảo	Vy	23-Aug-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
618	1901041	Nguyễn Trần Anh	Thư	25-May-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
619	1901042	Nguyễn Trần Hoàng	Diễn	24-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
620	1901045	Nguyễn Việt	Bách	10-Mar-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
621	1901047	Nguyễn Viết	Tiến	18-Dec-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
622	1901048	Nguyễn Võ Thúy	Hằng	29-Oct-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
623	1901049	Nguyễn Vũ Nguyên	Kha	8-Sep-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
624	1901050	Nguyễn Xuân	Phú	29-Mar-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
625	1901055	Phạm Minh	Hoàng	29-Dec-05	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
626	1901056	Phạm Nguyễn Anh	Thư	10-Mar-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
627	1901057	Phạm Quốc	Khánh	31-Aug-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
628	1901059	Phạm Quỳnh	Anh	2-Aug-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
629	1901060	Phạm Thảo	Ly	1-Feb-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
630	1901061	Phan Bá Sỹ	Khôi	27-Dec-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
631	1901062	Phan Đức	Huy	2-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
632	1901063	Phan Duy	Bảo	1-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
633	1901064	Phan Gia	Hân	12-Feb-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
634	1901065	Phan Huỳnh Tiến	Đạt	5-Sep-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
635	1901066	Phan Nguyễn Cẩm	Thanh	5-May-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
636	1901067	Phan Quý Như	Ngọc	20-Jul-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
637	1901069	Sử Duy	Khang	19-Apr-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
638	1901070	Tôn Nữ Đoan	Trang	11-Jul-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
639	1901073	Trần Đại	Nghĩa	16-Aug-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
640	1901075	Trần Hữu	Quý	11-Sep-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
641	1901080	Trần Nhân	Kiệt	11-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
642	1901084	Trần Phúc Viên	An	15-Nov-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
643	1901086	Trần Thanh	Thảo	1-Feb-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
644	1901088	Trần Thị Xuân	Nguyên	6-Mar-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
645	1901090	Trần Văn Hoàng	Phúc	7-Jun-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
646	1901091	Trần Vũ Uyên	Thy	31-Jan-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
647	1901092	Trần Yên	Phương	1-Jan-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
648	1901093	Trương Bảo	Hân	26-Sep-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
649	1901096	Trương Tấn	Vũ	24-Jan-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
650	1901097	Trương Thúy	Huyền	19-Dec-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
651	1901098	Văn Anh	Thư	12-Aug-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
652	1901099	Võ Bá	Chính	23-Feb-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
653	1901101	Võ	Long	17-Nov-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
654	1901104	Võ Phúc	Lộc	9-Oct-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
655	1901105	Võ Quang	Duy	8-Jan-05	Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu
656	1901106	Võ Thái Hiền	Thục	3-Oct-06	Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu
657	1901107	Võ Vân	Nguyên	21-Apr-04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu
658	1901115	Bùi Ngọc Phương	Anh	1-Jul-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
659	1901116	Bùi Quang	Thắng	13-Nov-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
660	1901119	Đinh Lâm Hồng	Quân	24-Feb-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
661	1901120	Đinh Quỳnh	Trúc	15-Nov-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
662	1901122	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Duyên	14-May-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
663	1901123	Đoàn Thị Diệu	Hòa	5-Apr-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
664	1901124	DƯƠNG NGUYỄN BÌNH	KHÁNH	27-Jan-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
665	1901125	DƯƠNG THÀNH	NGUYỄN	1-Jan-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
666	1901127	Hà Khánh	Quỳnh	15-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
667	1901128	Hồ Duy Thảo	Nhi	26-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
668	1901129	HỒ NGÔ BẢO	THU	13-Aug-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
669	1901130	Hồ Ngọc	Hung	20-Sep-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
670	1901131	Hồ Thị Hiền	Giang	18-Sep-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
671	1901132	Hồ Trần Vân	Ly	17-Jan-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
672	1901133	Hoàng Hữu	Trung	24-Apr-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
673	1901135	LÊ ĐỨC	LỰC	1-Apr-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
674	1901136	Lê Hoàng	Min	6-Dec-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
675	1901137	LÊ HỮU	HƯNG	18-Mar-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
676	1901138	LÊ MAI	PHUỒN	27-Jul-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
677	1901139	Lê Minh	Thư	10-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
678	1901142	Lê Quang	Minh	31-Oct-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
679	1901145	LÊ THẢO	VY	7-Sep-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
680	1901146	LÊ THỊ BÍCH	HỢP	17-Sep-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
681	1901147	Lê Triều Mai	Trang	2-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
682	1901148	LÊ VIỆT ANH	HUY	29-Nov-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
683	1901150	LƯƠNG TRÍ	CỐ	21-Oct-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
684	1901151	Lương Võ Xuân	Quỳnh	10-Jan-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
685	1901152	Lưu Hoàng Thiên	Ân	1-Jan-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
686	1901153	Lưu Nguyễn Trường	Đạt	7-Jan-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
687	1901155	Mai Hoàng Linh	Chi	9-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
688	1901156	MAI XUÂN TÙNG	DƯƠNG	12-Jul-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
689	1901158	NGÔ HUỲNH GIA	HÂN	20-Oct-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
690	1901159	Ngô Ngọc Diệu	Thảo	20-May-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
691	1901160	Nguyễn Bạch Thủy	Tiên	5-Nov-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
692	1901161	Nguyễn Châu	Linh	6-Nov-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
693	1901162	Nguyễn Đăng Chí	Hung	5-May-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
694	1901163	Nguyễn Diệu	Linh	3-Jun-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
695	1901164	Nguyễn Đình	Khoa	7-Sep-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
696	1901166	NGUYỄN HÀ THẢO	NHI	2-Jul-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
697	1901169	Nguyễn Hồng	Ánh	28-Jul-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
698	1901170	Nguyễn Khánh	Ngọc	1-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
699	1901176	Nguyễn Ngọc Mai	Như	12-Apr-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
700	1901177	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	28-May-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
701	1901179	NGUYỄN PHAN BẢO	TRÂN	29-Nov-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
702	1901183	Nguyễn Thị	Vi	21-Feb-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
703	1901184	NGUYỄN	PHUỒN	26-Sep-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
704	1901185	Nguyễn Trần	Huy	6-May-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
705	1901187	Nguyễn Việt	Hùng	29-Sep-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
706	1901188	Nguyễn Việt	Thành	9-Feb-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
707	1901189	Nguyễn Xuân Gia	Bảo	6-May-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
708	1901192	Phạm Đoàn Nguyên	Trang	21-Jun-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
709	1901195	Phạm Thảo	Nguyên	30-Sep-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
710	1901196	Phạm Thị Cẩm	Linh	3-Oct-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
711	1901197	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	15-Oct-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
712	1901198	Phan Lê Khánh	Huyền	5-Jul-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
713	1901200	PHAN NGUYỄN TÚ	TRINH	26-Apr-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
714	1901202	Phan Thanh	Tùng	5-Jun-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
715	1901203	Phan Thị Minh	Ngọc	25-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
716	1901204	PHAN UYÊN	PHƯƠNG	2-Aug-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
717	1901205	Thái Văn	Chiến	11-Mar-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
718	1901206	Trần Anh	Vũ	9-Feb-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
719	1901207	Trần Đặng Anh	Phương	18-Apr-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
720	1901208	Trần Nguyễn Hoài	Nhi	10-Jun-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
721	1901209	Trần Nguyễn Hoàng	Anh	12-Apr-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
722	1901217	Trịnh Thị Ngọc	Tú	17-Jul-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
723	1901218	TRƯỜNG LÊ BẢO	NGỌC	1-Feb-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
724	1901219	TRƯỜNG NGỌC	HUÂN	3-May-04	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
725	1901222	Võ Quỳnh Phương	Trang	27-Aug-05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
726	1901223	Võ Thị Hoài	Nam	8-Aug-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
727	1901224	Võ Văn	Toàn	3-Jan-06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu
728	1901225	Trần Phương	Anh	12-Sep-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
729	1901226	Trương Đình Nguyên	Bảo	28-Sep-04	Khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
730	1901228	Lê Trần Ngọc	Diệp	21-Nov-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
731	1901229	Trần Đình	Dũng	11-Jul-05	Khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
732	1901231	Nguyễn Hiếu	Giang	3-Aug-04	Khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
733	1901233	Lê Vũ Gia	Hân	14-Dec-04	Khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
734	1901236	Nguyễn Hữu	Kha	6-Mar-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
735	1901237	Lê Bùi Trung	Kiên	6-Nov-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
736	1901238	Lưu Hoàng	Minh	17-Apr-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
737	1901239	Ngô Ngọc Ni	Na	19-Sep-04	Khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
738	1901242	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	2-Jul-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
739	1901247	Nguyễn Phương	Thảo	21-Feb-05	Khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
740	1901250	Võ Thị Minh	Thu	6-Oct-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
741	1901252	Trần Đăng Bích	Trâm	21-Jun-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
742	1901254	Phan Thị Thanh	Trúc	11-Nov-05	Khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
743	1901255	Nguyễn Khắc	Trung	16-Mar-05	Khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
744	1901257	Trần Viết	Tường	7-May-06	Khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
745	1901258	Nguyễn Thị Phương	Uyên	2-Jul-04	Khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn
746	1901260	Nguyễn Thị	Kiều	15-Jan-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
747	1901261	Trần Khánh	Linh	4-May-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
748	1901263	Huỳnh Lê Tú	Quỳnh	27-Aug-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
749	1901264	Nguyễn Anh	Tài	10-Sep-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
750	1901265	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	24-Feb-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
751	1901266	Nguyễn Thị Thùy	Trang	2-Jul-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
752	1901267	Mai Thị Hải	Yến	26-Jan-04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà
753	1901269	Nguyễn Thị Anh	Tú	29-Nov-04	Khối 5	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà
754	1901270	Phan Xuân Hải	Anh	19-Feb-04	Khối 5	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà
755	1901271	Vĩnh Huyền Tôn Nữ Bảo	Ngọc	2-Nov-05	Khối 4	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà
756	1901276	Nguyễn Hoàng	Anh	27-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
757	1901277	Nguyễn Thị Thanh	Bình	4-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
758	1901278	Cao Hiền	Đạt	9-Nov-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
759	1901279	Phạm Trung	Đệ	22-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
760	1901283	Nguyễn Đăng Đức	Duy	12-Apr-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
761	1901284	Nguyễn Tuệ	Giang	25-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
762	1901288	Dương Thị Kim	Hiền	22-Aug-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
763	1901295	Trần Ngọc Bảo	My	1-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
764	1901296	Lương Minh Bảo	Ngọc	8-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
765	1901300	Nguyễn Kế	Phúc	7-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
766	1901301	Bùi Thục	Quyên	2-Sep-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
767	1901302	Nguyễn Lê Thanh	Thiên	15-Dec-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
768	1901306	Hồ Thanh Huy	Trúc	4-Dec-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
769	1901307	Đinh Nguyễn Quỳnh	An	10-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
770	1901308	Nguyễn Hồ Hoàn	An	1-May-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
771	1901309	Thân Đăng	An	13-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
772	1901310	Đoàn Khuê	Anh	11-Jan-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
773	1901311	Dương Thị Ngọc	Anh	2-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
774	1901312	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	24-Feb-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
775	1901313	Nguyễn Quang	Anh	13-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
776	1901314	Nguyễn Thị Kim	Anh	24-Dec-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
777	1901315	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
778	1901319	Trần Quang	Bình	22-Jun-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
779	1901320	Trương Thảo	Bình	7-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
780	1901323	Trương Thị Minh	Châu	11-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
781	1901324	Đào Ngọc Lan	Chi	4-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
782	1901326	Bùi Quang	Chiến	17-Oct-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
783	1901328	Dương Công	Cường	18-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
784	1901329	Trần Nguyễn Mạnh	Cường	18-May-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
785	1901334	Nguyễn Thành	Đạt	16-Aug-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
786	1901335	Phan Võ Hoàng	Đạt	23-Dec-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
787	1901338	Phan Hồng	Doanh	7-Sep-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
788	1901340	Trần Nguyễn Khánh	Dương	2-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
789	1901342	Nguyễn Đình	Duy	18-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
790	1901344	Trương Nguyễn Ngọc	Duyên	11-Jan-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
791	1901349	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
792	1901350	Lê Nguyễn Nhật	Hạ	23-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
793	1901351	Nguyễn Thị Khánh	Hạ	20-Jul-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
794	1901352	Võ Thanh	Hải	4-Nov-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
795	1901353	Bùi Thực Gia	Hân	14-Jan-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
796	1901355	Châu Trần Thanh	Hằng	4-Sep-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
797	1901358	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	19-Jun-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
798	1901359	Trần Mai	Hạnh	17-Nov-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
799	1901360	Lê Trần Thu	Hiền	20-Jan-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
800	1901361	Phan Thị Việt	Hiền	18-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
801	1901363	Đình Minh	Hiếu	29-Jan-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
802	1901365	Lê Công Đăng	Hiếu	6-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
803	1901366	Lê Trọng	Hiếu	17-Feb-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
804	1901367	Nguyễn Đỗ Kim	Hiếu	1-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
805	1901368	Lê Ngọc Nhất	Hòa	10-Jan-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
806	1901372	Lê Thanh	Hoàng	16-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
807	1901376	Trần	Hoàng	11-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
808	1901377	Trần Ngọc Minh	Hoàng	22-Dec-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
809	1901378	Võ Khánh	Hoàng	30-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
810	1901380	Nguyễn Văn Tiến	Hung	15-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
811	1901381	Trần Hoàng	Hung	19-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
812	1901387	Mai Đức Minh	Huy	9-Sep-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
813	1901388	Nguyễn Hữu	Huy	10-Sep-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
814	1901389	Nguyễn Lê Gia	Huy	16-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
815	1901397	Đào Ngọc Minh	Kha	13-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
816	1901399	Nguyễn Hoàng Phương	Khang	14-Dec-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
817	1901401	Nguyễn Văn Nguyên	Khang	10-Aug-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
818	1901402	Phan Yên	Khanh	11-Apr-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
819	1901403	Trần Lê	Khanh	22-Aug-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
820	1901409	Trần Minh	Khoa	19-Jun-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
821	1901410	Biên Anh	Khôi	2-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
822	1901412	Lê Viết Hoài	Khôi	18-Nov-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
823	1901413	Nguyễn Lê Chí	Kiên	31-May-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
824	1901416	Đoàn Tuấn	Kiệt	11-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
825	1901417	Võ Đăng Quang	Kiệt	18-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
826	1901418	Phan Lê Thanh	Lam	20-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
827	1901419	Đặng Phúc	Lân	24-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
828	1901421	Đoàn Thái Thùy	Linh	21-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
829	1901422	Huỳnh Lê Phương	Linh	15-Jan-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
830	1901423	Lê Ngọc Phương	Linh	19-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
831	1901424	Lưu Công Thùy	Linh	27-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
832	1901425	Nguyễn Thị Khánh	Linh	26-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
833	1901426	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14-Sep-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
834	1901427	Trần Ngọc Mai	Linh	10-Dec-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
835	1901429	Võ Thùy	Linh	17-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
836	1901430	Dương Phú Hồng	Lĩnh	11-Jun-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
837	1901431	Nguyễn Kế	Lộc	7-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
838	1901433	Lê Huỳnh Thảo	Ly	14-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
839	1901434	Nguyễn Kha	Ly	8-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
840	1901435	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	17-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
841	1901436	Phan Thị Thảo	Ly	8-Feb-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
842	1901437	Lê Hoàng	Mai	16-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
843	1901438	Đỗ Nguyễn Quang Minh	Minh	16-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
844	1901439	Lê Huỳnh Nhật	Minh	1-Jan-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
845	1901441	Sái Công	Minh	27-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
846	1901443	Đặng Nguyễn Trà	My	1-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
847	1901444	Lê Ngọc Diễm	My	5-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
848	1901445	Nguyễn Thị Hải	My	17-Oct-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
849	1901446	Tào Diệu	My	27-Apr-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
850	1901447	Tôn Nữ Thảo	My	1-Jun-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
851	1901448	Trần Thị Trà	My	9-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
852	1901454	Tổng Lê Bảo	Ngân	28-Sep-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
853	1901455	Trần Thảo	Ngân	16-Feb-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
854	1901457	Lê Đại N	Nghĩa	26-Jun-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
855	1901462	Phạm Văn Nguyên	Ngọc	26-Nov-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
856	1901464	Hồ Nguyễn Thảo	Nguyên	28-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
857	1901466	Lê Bảo	Nguyên	17-Apr-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
858	1901467	Lê Thảo	Nguyên	25-Apr-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
859	1901468	Nguyễn Bá Trung	Nguyên	16-Mar-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
860	1901470	Nguyễn Hữu	Nguyên	21-Apr-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
861	1901471	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	25-Jan-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
862	1901472	Nguyễn Tấn	Nguyên	23-Sep-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
863	1901476	Phạm Thị Thảo	Nguyên	19-Dec-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
864	1901481	Phan Thị Thanh	Nhân	29-Nov-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
865	1901482	Lê Tổng Thiện	Nhân	6-Mar-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
866	1901483	Nguyễn Thành	Nhân	16-Nov-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
867	1901484	Phạm Huyền	Nhân	12-Sep-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
868	1901485	Hồ Thị Uyển	Nhi	28-May-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
869	1901488	Nguyễn Thị Yến	Nhi	9-Nov-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
870	1901489	Nguyễn Trần Yến	Nhi	5-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
871	1901490	Phan Yến	Nhi	5-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
872	1901491	Dương Phúc Tất	Nhiên	2-Oct-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
873	1901492	Huỳnh Thị Yến	Nhiên	27-Oct-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
874	1901494	Võ Huỳnh Tâm	Như	17-Oct-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
875	1901496	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	28-Jun-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
876	1901497	Phạm Minh	Phú	9-Oct-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
877	1901498	Trần Nguyễn Phước	Phú	8-Sep-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
878	1901500	Trần Kiêm	Phúc	16-Nov-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
879	1901502	Huỳnh Thái Uyên	Phương	12-Feb-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
880	1901505	Phan Nguyễn Uyên	Phương	10-May-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
881	1901506	Phan Văn	Phương	1-Sep-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
882	1901507	Trần Minh	Phương	1-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
883	1901508	Trần Nam	Phương	3-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
884	1901513	Ngô Đăng	Quang	1-Mar-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
885	1901514	Lê Anh	Quốc	10-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
886	1901516	Hồ Thị Thu	Quyên	28-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
887	1901522	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	7-Oct-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
888	1901523	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	4-Jan-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
889	1901525	Trương Thái	Sâm	19-Oct-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
890	1901527	Bùi Hoàng	Son	3-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
891	1901530	Phạm Văn Tấn	Tài	14-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
892	1901533	Trương Anh	Tài	27-Feb-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
893	1901534	Đàm Trí	Tâm	16-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
894	1901539	Đàm Duy	Thái	4-Apr-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
895	1901540	Đoàn Thế	Thắng	9-Aug-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
896	1901543	Ông Lê Văn	Thành	24-Aug-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
897	1901544	Trần Quốc	Thành	28-Mar-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
898	1901545	Đào Thị Thanh	Thảo	9-Jul-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
899	1901546	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
900	1901547	Trần Thanh	Thảo	21-Dec-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
901	1901548	Võ Thị Thanh	Thảo	23-Jan-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
902	1901549	Nguyễn Hà Minh	Thi	24-Mar-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
903	1901550	Nguyễn Thị Minh	Thi	9-Dec-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
904	1901552	Huỳnh Đình Phước	Thịnh	7-Sep-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
905	1901555	Nguyễn Anh	Thư	30-Dec-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
906	1901560	Đàm Thị Hoài	Thương	5-Aug-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
907	1901562	Nguyễn Thị Kim	Thúy	3-Sep-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
908	1901566	Phan Hoài Khánh	Tiên	2-Oct-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
909	1901567	Hà Đức Minh	Toàn	5-Oct-04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
910	1901570	Dương Trương Hiền	Trân	28-Dec-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
911	1901571	Nguyễn Lê Bảo	Trân	8-Jun-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
912	1901572	Nguyễn Trần Bảo	Trân	11-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
913	1901577	Phạm Thùy	Trang	11-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
914	1901579	Tổng Thị Quỳnh	Trang	3-Apr-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
915	1901580	Trần Nguyễn Quỳnh	Trang	10-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
916	1901583	Đoàn Ngọc	Triết	19-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
917	1901587	Lại Nguyễn Chí	Trung	21-May-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
918	1901595	Lê Cẩm	Uyên	2-Jan-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
919	1901598	Trần Nguyễn Thục	Uyên	13-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
920	1901599	Lê Hồ Bảo	Vân	1-Jul-06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
921	1901601	Nguyễn Lê Gia	Vĩ	11-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
922	1901603	Kiều Nguyên	Vũ	5-Jul-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
923	1901607	Phạm Thảo	Yến	9-Oct-05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê
924	1901611	Trần Kiều Xuân	Nguyệt	2-Feb-06	Khối 3	Dũng sĩ Thanh Khê	Thanh Khê
925	1901613	NGUYỄN LÊ VÂN	ANH	14-Oct-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
926	1901615	NGUYỄN VÕ QUỲNH	ANH	4-Jul-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
927	1901616	TRẦN NGỌC LAN	ANH	9-Aug-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
928	1901618	VĂN THỊ MINH	ANH	16-Apr-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
929	1901619	DƯƠNG NGỌC	ÁNH	4-Feb-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
930	1901622	NGUYỄN TRẦN DUY	BẢO	26-Jan-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
931	1901623	PHAN THANH	BẢO	22-Jul-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
932	1901624	VŨ MINH	BẢO	24-May-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
933	1901625	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	7-Sep-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
934	1901626	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	ĐẠT	19-Dec-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
935	1901627	NGUYỄN QUANG	ĐẠT	8-May-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
936	1901628	NGUYỄN NGỌC HIỀN	DIU	4-Aug-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
937	1901631	NGÔ NHẬT	HÀN	30-Jul-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
938	1901635	TRẦN BẢO	HÂN	8-Aug-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
939	1901636	TRƯƠNG BẢO	HÂN	24-Dec-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
940	1901638	LÊ THỊ DIỆU	HIỀN	21-Apr-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
941	1901640	TRẦN THUÝ	HIỀN	25-Nov-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
942	1901641	TRẦN NGUYỄN ĐỨC	HOÀ	16-Jun-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
943	1901642	NGUYỄN THỊ MINH	HOÀNG	17-Apr-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
944	1901643	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	6-Sep-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
945	1901644	PHẠM CÔNG	HOÀNG	4-Dec-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
946	1901645	TRẦN PHƯỚC BẢO	HOÀNG	11-May-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
947	1901646	NGÔ NHẬT	HỒNG	4-Jan-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
948	1901647	MAI PHẠM VIỆT	HÙNG	7-May-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
949	1901648	LÊ PHẠM THANH	HƯNG	7-Feb-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
950	1901649	DƯƠNG THANH	HƯƠNG	28-Oct-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
951	1901654	PHẠM MINH PHÚ	KHANG	22-Sep-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
952	1901655	NGUYỄN VY	KHANH	14-Jun-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
953	1901658	DƯƠNG NGỌC	KHOA	13-Jun-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
954	1901661	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	13-Jun-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
955	1901662	PHẠM TRẦN NGỌC	LINH	24-Feb-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
956	1901664	LÊ HOÀNG	LONG	1-Apr-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
957	1901665	NGUYỄN HOÀNG	LONG	9-Jan-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
958	1901667	TRẦN LÊ PHI	LONG	16-Oct-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
959	1901668	HỒ ĐÀM THANH	MAI	24-Jul-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
960	1901669	NGUYỄN LÊ TAM	MÃN	25-Aug-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
961	1901670	PHAN THANH	MẠNH	8-Oct-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
962	1901677	NGUYỄN THỊ THANH	MINH	28-Oct-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
963	1901679	TRƯƠNG NGUYỄN TUỆ	MINH	27-Oct-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
964	1901681	DƯƠNG BẢO	NGÂN	6-Aug-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
965	1901682	NGUYỄN NGỌC THU	NGÂN	2-May-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
966	1901684	DƯƠNG BẢO	NGỌC	6-Aug-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
967	1901686	HÀ NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	16-Jun-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
968	1901689	VÕ THỊ ÁNH	NGUYỄN	15-Aug-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
969	1901690	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	22-Aug-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
970	1901691	HỒ UYÊN	NHI	26-Oct-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
971	1901694	PHAN CÔNG	PHƯỚC	25-Dec-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
972	1901695	NGUYỄN LAN	PHUỖN	20-Aug-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
973	1901696	NGUYỄN THUY NAM	PHUỖN	16-Feb-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
974	1901697	TRẦN ÁNH	PHUỖN	29-Sep-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
975	1901700	TRẦN HẢI THANH	QUYÊN	11-Jun-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
976	1901702	NGUYỄN TẤN ANH	TÀI	25-Mar-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
977	1901704	HỒ MINH	THẮNG	24-Jan-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
978	1901706	NGUYỄN HUYNH NGỌC	THẢO	19-Mar-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
979	1901707	PHẠM THỊ MINH	THẢO	17-Feb-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
980	1901714	NGUYỄN THU	THUY	17-Aug-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
981	1901717	TRẦN HỒ HOÀNG	THY	1-Jan-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
982	1901719	TẠ TRUNG	TÍN	25-Oct-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
983	1901720	BÙI MINH	TOÀN	22-Apr-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
984	1901721	HUỖNH MINH	TOÀN	7-Nov-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
985	1901724	LÊ TỰ QUỲNH	TRANG	5-Oct-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
986	1901725	NGUYỄN HỒ THUỶ	TRANG	9-Feb-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
987	1901726	NGUYỄN HOÀNG ĐOAN	TRANG	18-May-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
988	1901727	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	TRANG	28-Mar-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
989	1901729	TRẦN NHẬT MINH	TRÍ	3-Jun-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
990	1901730	ĐẶNG VÕ MINH	TRIẾT	17-Dec-06	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
991	1901731	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRIẾT	10-Jan-05	Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê
992	1901736	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	20-Mar-05	Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê
993	1901738	NGUYỄN ÁNH	VĂNG	1-Mar-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
994	1901740	TRƯƠNG THÚY	VY	7-Jun-04	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê
995	1901742	Nguyễn Lê Hoàng	My	21-Jun-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
996	1901743	Bảo Quý	Thịnh	27-Nov-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
997	1901744	Bùi Anh	Tú	28-Jan-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
998	1901749	Bùi Thanh	Nhân	14-Mar-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
999	1901751	Cù Thị Anh	Thư	4-Sep-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1000	1901753	Đặng Châu	Anh	30-Nov-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1001	1901754	Đặng Châu	Sa	30-Nov-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1002	1901755	Đặng	Danh	22-Apr-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1003	1901757	Đặng Quốc	Nam	17-Apr-04	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1004	1901758	Đặng Tuấn	Anh	17-Apr-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1005	1901761	Đỗ Trọng	Khôi	1-Feb-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1006	1901764	Hồ Lê Phương	Bảo	24-Aug-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1007	1901766	Hoàng Minh	Đức	19-Nov-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1008	1901767	Hoàng Trần Khánh	Duy	25-Jun-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1009	1901768	Huỳnh Đình	Thái	23-Feb-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1010	1901771	Huỳnh Phúc	Hải	13-Jul-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1011	1901772	Huỳnh Thị Cẩm	Nhi	24-Dec-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1012	1901775	Lê Đỗ Khánh	Linh	26-May-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1013	1901779	Lê Minh	Uyên	17-Apr-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1014	1901780	Lê Nguyễn Hạnh	Đoan	23-Mar-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1015	1901781	Lê Nguyễn Hoài	An	17-May-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1016	1901784	Lê Phú	Quốc	19-Nov-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1017	1901788	Lê Thị Khánh	Bảo	20-Jan-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1018	1901790	Lê Viết Vĩnh	Phú	22-Sep-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1019	1901791	Lương Việt	Anh	11-Feb-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1020	1901793	Mai Ngọc Phương	Tâm	16-Oct-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1021	1901795	Ngô Đăng	Thành	2-Jul-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1022	1901797	Nguyễn Bá Trung	Hiếu	22-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1023	1901799	Nguyễn Cao Minh	Phúc	4-Nov-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1024	1901805	Nguyễn Dương	Thắng	3-Jan-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1025	1901808	Nguyễn Hà Mạnh	Huy	22-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1026	1901811	Nguyễn Hoàng Phương	Nguyên	16-Jan-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1027	1901814	Nguyễn Hữu	Phát	12-Apr-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1028	1901817	Nguyễn Lương	Đạt	5-Feb-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1029	1901818	Nguyễn Ngọc	Huy	20-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1030	1901819	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	4-Aug-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1031	1901822	Nguyễn Phan Minh	Khuê	16-Apr-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1032	1901824	Nguyễn Phương Hiếu	Nghi	15-Jul-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1033	1901825	Nguyễn Phương Khánh	Hà	7-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1034	1901826	Nguyễn Quốc	Khánh	3-May-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1035	1901829	Nguyễn Thị Anh	Duyên	30-Mar-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1036	1901834	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	19-Jan-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1037	1901838	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	15-Sep-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1038	1901842	Nguyễn Thị Thiên	Phú	2-Dec-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1039	1901843	Nguyễn Trần Bảo	Trân	29-May-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1040	1901847	Nguyễn Trịnh Hoàng	Dung	13-Nov-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1041	1901848	Nguyễn Tuyết	Nhung	26-Apr-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1042	1901850	Nguyễn Vũ Hoài	Thương	19-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1043	1901852	Phạm Bảo	Ngọc	13-Apr-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1044	1901853	Phạm Huỳnh	Hải	20-Apr-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1045	1901855	Phạm Ngọc Quỳnh	Nhi	14-Mar-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1046	1901861	Phan Thị Quỳnh	Như	24-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1047	1901870	Trần Đình Phúc Thịnh	Thịnh	10-Aug-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1048	1901871	Trần Doãn Bảo	Trâm	11-Sep-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1049	1901873	Trần Hoàng Khánh	Minh	18-Aug-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1050	1901874	Trần Hoàng Phúc	Huy	25-Mar-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1051	1901877	Trần Ngọc Khánh	Thi	14-Jan-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1052	1901879	Trần Quốc Quỳnh	Tiên	3-Nov-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1053	1901880	Trần Thanh	Hùng	2-Oct-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1054	1901883	Trần Thục Minh	Châu	18-Mar-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1055	1901886	Trịnh Nguyễn Hồng	Minh	10-Jan-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1056	1901888	Trình Trung	Kiên	27-Apr-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1057	1901889	Trương Châu	Khương	1-Jan-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1058	1901891	Trương Lê Xuân	Hiếu	5-May-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1059	1901892	Trương Minh	Trang	27-Nov-06	Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1060	1901893	Trương Tấn	Hung	9-Feb-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1061	1901900	Vũ Ngọc Thu	Huyền	10-Feb-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1062	1901902	Vũ Nguyễn Đan	Thanh	6-Jan-04	Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê
1063	1901908	Lã Minh	Anh	13-Aug-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1064	1901911	Nguyễn Nhật	Anh	22-Sep-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1065	1901913	Nguyễn Võ Nguyệt	Anh	8-Oct-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1066	1901915	Trần Lan	Anh	2-Mar-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1067	1901917	Võ Ngọc Quỳnh	Anh	11-Apr-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1068	1901918	Võ Thị Hiền	Anh	24-Sep-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1069	1901920	Trần Ngọc	Ánh	19-Jul-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1070	1901923	Phạm Nguyên	Bình	18-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1071	1901924	Doãn Thị Bảo	Châu	4-Oct-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1072	1901925	Nguyễn Minh	Châu	12-Jun-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1073	1901926	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Châu	21-Jun-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1074	1901927	Trần Khánh	Châu	22-Mar-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1075	1901928	Trần Linh	Chi	1-Jul-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1076	1901929	Nguyễn Thành	Công	28-Sep-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1077	1901930	Đào Huy	Cường	10-Feb-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1078	1901931	Nguyễn Công	Đạt	17-Feb-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1079	1901935	Trần Vũ Mạnh	Đức	7-Nov-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1080	1901936	Hoàng Minh	Đức	5-Jul-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1081	1901937	Nguyễn Hạnh	Dung	1-Jan-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1082	1901938	Nguyễn Thị Thu	Dung	13-Mar-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1083	1901939	Hoàng Minh	Dũng	20-Oct-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1084	1901941	Nguyễn Trung	Dũng	22-Mar-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1085	1901942	Nguyễn Ánh	Dương	11-Mar-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1086	1901943	Nguyễn Thị Trùng	Dương	22-Jan-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1087	1901946	Mai Thảo Vân	Giang	19-Jun-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1088	1901949	Trần Hoàng	Giáp	10-Jan-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1089	1901951	Lê Việt	Hà	14-Sep-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1090	1901952	Lý Hoàng Khánh	Hà	1-Nov-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1091	1901954	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	19-Oct-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1092	1901955	Hà Duy Minh	Hải	31-Mar-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1093	1901956	Nguyễn Lê Khánh	Hằng	5-Jan-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1094	1901958	Dương Hiền Trung	Hiếu	30-May-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1095	1901959	Lê Trung	Hiếu	10-Feb-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1096	1901961	Trần Huy	Hoàng	1-Apr-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1097	1901963	Phạm Thu	Huệ	14-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1098	1901964	Lại Phúc	Hưng	27-Dec-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1099	1901965	Lữ Nguyễn Gia	Huy	17-Jun-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1100	1901967	Mai Đức	Huy	31-May-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1101	1901968	Nguyễn Nhật	Huy	26-Dec-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1102	1901970	Nguyễn Đình	Huy	13-May-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1103	1901971	Nguyễn Hữu Nhật	Huy	12-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1104	1901972	Nguyễn Thanh	Huy	20-Aug-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1105	1901973	Phan Lê Anh	Huy	25-Jan-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1106	1901974	Thái Nhất	Huy	28-Apr-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1107	1901975	Lê Khánh	Huyền	14-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1108	1901978	Hoàng Lê	Khanh	20-May-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1109	1901983	Nguyễn Văn	Khánh	14-May-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1110	1901987	Đào Thị Thảo	Linh	25-Feb-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1111	1901990	Ngô Thùy	Linh	17-Sep-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1112	1901991	Võ Nguyễn Khánh	Linh	25-Jul-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1113	1901992	Nguyễn Phan Thành	Lợi	25-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1114	1901993	Nguyễn Hoàng	Long	10-Oct-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1115	1901996	Bui Hương	Ly	18-Feb-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1116	1901997	Lê Văn	Ly	2-Apr-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1117	1901998	Phạm Phương	Mai	20-Oct-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1118	1901999	Trần Ngọc	Mai	25-Apr-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1119	1902001	Đỗ Viết Tuấn	Minh	24-Jul-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1120	1902004	Nguyễn Lê Phúc	Minh	13-Aug-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1121	1902009	Lê Thị Hằng	Nga	17-Dec-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1122	1902010	Nguyễn Thị Hằng	Nga	23-Aug-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1123	1902011	Huỳnh Lê Châu	Ngân	6-Aug-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1124	1902012	Huỳnh Lê Kim	Ngân	13-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1125	1902013	Phạm Thị Gia	Ngân	9-May-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1126	1902014	Đinh Trần Công	Nghĩa	6-Apr-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1127	1902019	Trương Thị Ánh	Ngọc	26-Mar-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1128	1902020	Nguyễn Khánh	Ngọc	30-Aug-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1129	1902021	Trương Phạm Bảo	Ngọc	13-Aug-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1130	1902022	Tô Chính	Nguyên	2-Nov-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1131	1902025	Nguyễn Đức Văn	Nhi	28-Jul-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1132	1902026	Nguyễn Ngọc Xuân	Nhi	9-Jun-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1133	1902027	Nguyễn Thái Phương	Nhi	1-Jan-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1134	1902028	Nguyễn Thảo	Nhi	22-Jun-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1135	1902029	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	11-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1136	1902031	Phạm Bảo Châu	Nhi	7-Dec-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1137	1902032	Trần Thị Yến	Nhi	28-Oct-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1138	1902034	Trần Văn	Phát	9-May-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1139	1902035	Nguyễn Hồng	Phúc	24-Dec-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1140	1902039	Phạm Đình Nhất	Phuong	14-Aug-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1141	1902040	Đoàn Thanh	Quân	10-Feb-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1142	1902042	Lê Anh	Quốc	29-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1143	1902043	Đỗ	Quyên	14-Oct-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1144	1902045	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	18-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1145	1902046	Trần Lê	Son	27-Apr-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1146	1902047	Triệu Thị Hiền	Tâm	28-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1147	1902048	Trịnh Thị Thanh	Tâm	3-Jun-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1148	1902049	Bùi Việt	Thái	19-May-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1149	1902050	Đình Quốc	Thắng	8-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1150	1902051	Lê Văn	Thành	27-Mar-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1151	1902052	Lê Phương	Thảo	1-Jan-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1152	1902053	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	11-May-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1153	1902055	Trần Đoàn Phương	Thảo	21-Feb-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1154	1902056	Trần Thanh	Thảo	23-Feb-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1155	1902057	Trịnh Mai Uyên	Thảo	15-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1156	1902058	Nguyễn Đình	Thi	31-Mar-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1157	1902059	Huỳnh Đình Quang	Thieu	10-May-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1158	1902060	Hà Khắc	Thịnh	14-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1159	1902063	Nguyễn Tống Anh	Thư	13-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1160	1902064	Nguyễn Thị Hoài	Thương	9-Mar-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1161	1902066	Nguyễn Trọng	Tiến	1-Aug-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1162	1902067	Mai Khánh	Toàn	26-Dec-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1163	1902068	Nguyễn Đình	Toàn	9-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1164	1902069	Khuong Bảo	Trâm	31-Jul-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1165	1902070	Trần Lê Huyền	Trân	8-Aug-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1166	1902074	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28-May-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1167	1902075	Trần Thùy	Trang	22-Jun-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1168	1902078	Lê Bá Thanh	Tú	6-Aug-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1169	1902079	Mai Trung	Tuân	23-Jun-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1170	1902080	Đình Nguyễn Anh	Tuấn	21-Jun-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1171	1902081	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	23-Oct-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1172	1902083	Phạm Nguyễn Quang	Tùng	17-Oct-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1173	1902085	Thái Nguyễn Khánh	Uyên	25-Oct-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1174	1902086	Trần Trúc	Uyên	19-Jan-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1175	1902089	Trần Nguyễn Viên	Viên	12-Nov-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1176	1902091	Trần Nguyên	Vũ	19-Sep-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1177	1902092	Nguyễn Hữu	Vương	13-May-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1178	1902093	Nguyễn Hồng Hà	Vy	12-Oct-04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê
1179	1902095	Bùi Hoàng Bảo	Trân	1-Jan-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1180	1902099	Bùi Quý	ngân	18-Nov-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1181	1902100	Cao Nguyệt	Hân	23-Jun-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1182	1902101	Chê Viết Bảo	Long	1-Sep-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1183	1902103	Đặng Bảo	Châu	17-Nov-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1184	1902104	Đặng Thông	Trí	4-Feb-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1185	1902105	Đào Hữu Nhật	Hoàng	4-Jan-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1186	1902106	Đào Minh	Thành	19-Jun-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1187	1902107	Địch Vũ Bảo	Long	26-Aug-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1188	1902108	Đỗ Bùi Tường	Vy	2-Mar-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1189	1902109	Đỗ Huyền Vân	Trúc	21-Aug-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1190	1902112	Đỗ Ngọc	Bích	10-Sep-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1191	1902113	Đỗ Xuân	Tài	20-Jan-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1192	1902115	Đoàn Ngọc	Tin	3-Oct-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1193	1902120	Dương Quang Minh	Hoàng	2-Nov-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1194	1902122	Hà Lan	Anh	1-Jan-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1195	1902125	Hoàng Đăng	Khoa	24-Aug-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1196	1902131	Huỳnh Đỗ Thiên	Ân	28-Jul-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1197	1902134	Huỳnh Uyên	Trâm	6-Sep-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1198	1902136	Lê Anh	Quân	26-Feb-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1199	1902137	Lê Bá Bảo	Ngọc	1-Jan-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1200	1902138	Lê Hoàng	Hiếu	11-Oct-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1201	1902139	Lê Kim	Ngân	21-Apr-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1202	1902141	Lê Nguyễn Gia	Linh	27-Sep-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1203	1902142	Lê Nguyễn Quốc	Thái	22-Mar-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1204	1902143	Lê Nguyên	Thảo	11-Mar-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1205	1902150	Lương Nhật	Nam	13-Feb-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1206	1902151	Lưu Nguyễn Minh	Thư	16-Aug-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1207	1902153	Ng Cao Thùy	Linh	19-Mar-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1208	1902154	Ngô Diệu	Trúc	5-Jun-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1209	1902159	Nguyễn Bá	Quyền	28-Oct-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1210	1902161	Nguyễn Đăng Phương	Uyên	6-Nov-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1211	1902164	Nguyễn Hoài	Trúc	1-Aug-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1212	1902165	Nguyễn Hoàng Đào	Nguyên	16-Jan-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1213	1902167	Nguyễn Hoàng Kiều	Trình	11-Feb-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1214	1902168	Nguyễn Hoàng Tổ	Như	18-Mar-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1215	1902172	Nguyễn Lê Hồng	Diệu	27-Jun-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1216	1902173	Nguyễn Minh	Khuê	3-Apr-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1217	1902176	Nguyễn Ngọc Diệu	Thảo	17-Jul-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1218	1902177	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	1-May-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1219	1902178	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	5-Jun-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1220	1902179	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	20-Feb-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1221	1902180	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	7-Dec-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1222	1902182	Nguyễn Phan Thùy	Ngân	23-Feb-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1223	1902184	Nguyễn Phúc Thùy	Nhiên	14-Feb-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1224	1902185	Nguyễn Phước	Đạt	17-May-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1225	1902186	Nguyễn Phước Hồng	Nhi	20-Jan-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1226	1902189	Nguyễn Tâm	Đức	1-Oct-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1227	1902190	Nguyễn Thanh	Hưng	24-Oct-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1228	1902191	Nguyễn Thanh	Phong	16-Jul-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1229	1902192	Nguyễn Thanh	Tú	21-May-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1230	1902193	Nguyễn Thanh Vy	Giang	25-Apr-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1231	1902194	Nguyễn Thị Bích	Nhi	14-Sep-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1232	1902197	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	19-Aug-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1233	1902200	Nguyễn Trần Khánh	Ngân	18-Oct-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1234	1902203	Nguyễn Triều	Hung	8-Jan-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1235	1902204	Nguyễn Trường Bich	Phuong	16-Jul-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1236	1902206	Nguyễn Tuấn	Huy	19-Jun-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1237	1902208	Nguyễn Văn	Đạt	17-Mar-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1238	1902209	Võ Văn	Lợi	2-Apr-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1239	1902211	Nguyễn Viết Minh	Hải	8-Apr-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1240	1902212	Nguyễn Viết Nhật	Hoàng	21-Apr-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1241	1902213	Nguyễn Việt	Trình	23-May-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1242	1902214	Nguyễn Xuân	Ân	15-Oct-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1243	1902216	Ông Hà Thảo	My	12-Mar-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1244	1902217	Phạm Bình Phương	Uyên	15-Aug-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1245	1902218	Phạm Đăng	Khoa	10-Jul-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1246	1902219	Phạm Hồ Việt	Quang	22-Sep-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1247	1902221	Phạm Minh	Tuấn	10-Feb-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1248	1902223	Phạm Ngọc Quốc	Huy	13-Aug-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1249	1902224	Phạm Nguyễn Thái	Trân	8-Aug-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1250	1902225	Phạm Tâm Anh	Thy	14-Sep-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1251	1902226	Phạm Thị Bảo	Ngọc	16-Dec-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1252	1902229	Phan Đức	Trí	11-Jun-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1253	1902230	Phan Lê Hoàng	Oanh	5-Apr-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1254	1902232	Phan Thái Khánh	Nhi	6-Dec-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1255	1902234	Thái An Vĩnh	Phước	22-Jan-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1256	1902236	Trần Cát	Tiên	5-Aug-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1257	1902240	Trần Hoàng Khánh	Uyên	8-May-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1258	1902241	Trần Hoàng	Phuong	22-Jul-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1259	1902242	Trần Hữu Nhân	Kiệt	29-Mar-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1260	1902244	Trần Minh	Hoàng	21-Nov-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1261	1902248	Trần Nguyễn Hạnh	Nguyên	21-Jul-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1262	1902252	Trần Văn	Bảo	14-Oct-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1263	1902259	Vĩnh Tôn Nữ Bảo	Ngân	7-Oct-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1264	1902260	Võ Đức Anh	Huy	17-Sep-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1265	1902261	Võ Ngọc Phương	Linh	23-May-06	Khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1266	1902262	Võ Thanh	Vân	23-Aug-04	Khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1267	1902263	Võ Thị Phương	Trang	30-Apr-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1268	1902264	Võ Thị Phương	Trinh	30-Apr-05	Khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê
1269	1902266	Võ Nguyễn Hoàng	Vy	24-Oct-05	Khối 4	Phan Đăng Lưu	
1270	1902269	Phan Nguyễn Thục	Trinh	19-Jun-06	Khối 3	Núi Thành	
1271	1902271	Lê Quang	Đạt	14-Dec-04	Khối 5	Núi Thành	
1272	1902272	Nguyễn Thanh	Huy	11-Jun-04	Khối 5	Núi Thành	
1273	1902274	Nguyễn Trọng	Khoa	25-May-06	Khối 3	Núi Thành	
1274	1902276	Nguyễn Vũ Cát	Tiên	24-Jul-06	Khối 3	Núi Thành	
1275	1902277	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngọc	5-Sep-06	Khối 3	Núi Thành	
1276	1902279	Dương Thanh	Phú	27-Jan-04	Khối 5	Núi Thành	
1277	1902280	Trần Văn Mạnh	Hùng	10-Aug-04	Khối 5	Núi Thành	
1278	1902281	Lê Bích	Ngọc	27-Aug-04	Khối 5	Núi Thành	
1279	1902282	Nguyễn Đức	Minh	20-Feb-04	Khối 5	Phù Đồng	
1280	1902283	Dương Hoàng Thảo	Quyên	5-Feb-04	Khối 5	Núi Thành	
1281	1902285	Nguyễn Đình Thảo	Nguyên	31-Oct-04	Khối 5	Núi Thành	
1282	1902286	Nguyễn Phương	Nguyên	24-Jun-04	Khối 5	Phù Đồng	
1283	1902287	Nguyễn Đào Thục	Đoan	19-Feb-05	Khối 4	Núi Thành	
1284	1902288	Nguyễn Đặng Anh	Quân	6-Jan-05	Khối 4	Núi Thành	
1285	1902289	Trương Huy	Hoàng	25-Jun-04	Khối 5	Ông Ích Đường	
1286	1902290	Đặng Văn	Khôi	17-Apr-06	Khối 3	Lê Đình Chinh	
1287	1902296	Phạm Đặng Nhật	Minh	7-Jan-06	Khối 3		
1288	1902298	Nguyễn Thị Bảo	Phúc	3-Oct-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	
1289	1902299	Phạm Thị Thảo	Nguyên	14-Sep-05	Khối 4	Trần Cao Vân	
1290	1902300	Phan Thảo	Tiên	16-Jan-05	Khối 4	Phù Đồng	
1291	1902301	Hoàng Thị Mai	Thi	7-Jan-06	Khối 3	Hoa Lư	
1292	1902302	Lê Đức Duy	Kiệt	27-Jul-05	Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	
1293	1902303	Lê Văn Phương	Duyên	23-Sep-04	Khối 5	Lý Công Uẩn	
1294	1902304	Lê Hoàng Tâm	Anh	16-Feb-04	Khối 5	Phù Đồng	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khối	Trường	Quận/ Huyện
1295	1902305	Lê Thị Đăng	Thy	20-Feb-06	Khối 3	Hoa Lư	
1296	1902306	Đoàn Thị Thùy	Anh	14-Oct-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	
1297	1902307	Nguyễn Gia Bảo	Duyên	27-Jul-04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	
1298	1902308	Nguyễn Võ Phương	Nhi	10-Nov-06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	
1299	1902309	Ngô Gia	Hiếu	27-May-05	Khối 4	Trần Cao Vân	
1300	1902310	Lê Mai Xuân	Nhi	5-Jan-05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	
1301	1902311	Nguyễn Minh	Huy	25-Jan-04	Khối 5	Hoa Lư	
1302	1902312	Trần Thị Minh	Vi	11-Dec-04	Khối 5	Trần Cao Vân	